CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Cơ khí Xây dựng AMECC

Ngày 31/12/2025	7,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.3%	**-2.6%**	**-2.6%**

DT thuần
Q4/25
1,282
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 652| 103%
YoY: ▼43.0| -3.2%

LN thuần
Q4/25
44.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 32.6| 267%
YoY: ▲ 22.7| 103%

LN sau thuế
Q4/25
26.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 19.0| 252%
YoY: ▲ 23.1| 689%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
5.0%
YoY: +/-▲ 0.0%

ROE
2025
7.1%
YoY: +/-▲ 0.2%

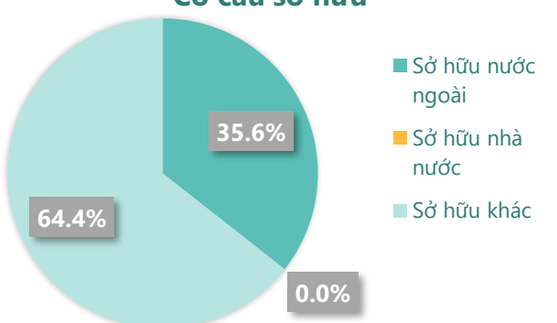
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,700 - 9,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	456
Số lượng CPLH (CP)	60,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	101,540
Sở hữu nước ngoài	35.6%
Beta	0.00
EPS	991
P/E	7.7

DT thuần
2025
3,526
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 94.0| 2.7%

LN thuần
2025
98.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.70| 5.0%

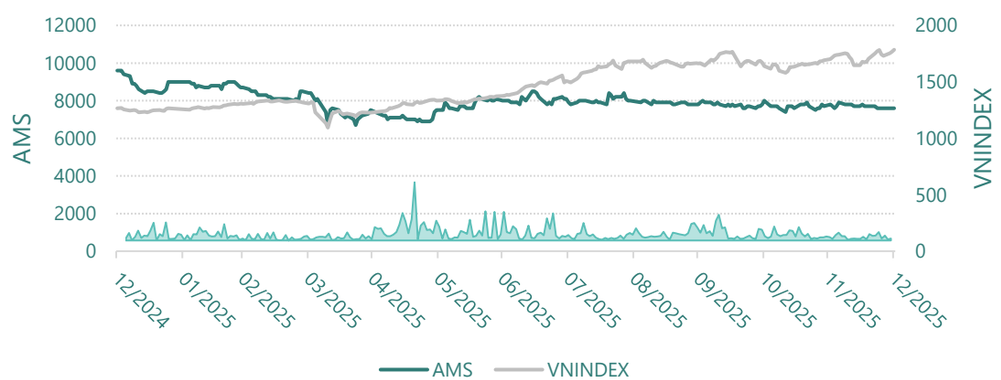
LN sau thuế
2025
59.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.50| 8.1%

Cơ cấu sở hữu

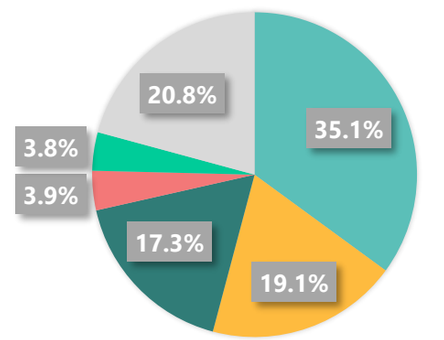


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

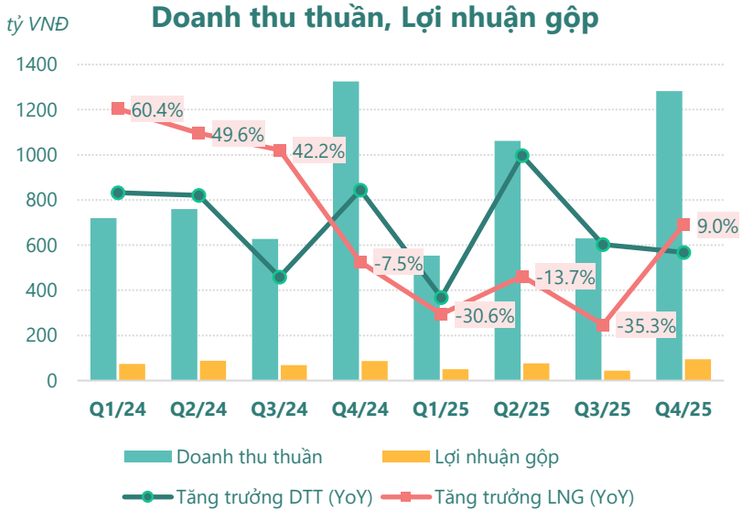


- Sankyu Inc
- Nguyễn Văn Thọ (Tổng giám đốc)
- Nguyễn Văn Nghĩa (Chủ tịch HĐQT)
- Trương Minh Tuấn
- Nguyễn Đình Nam
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

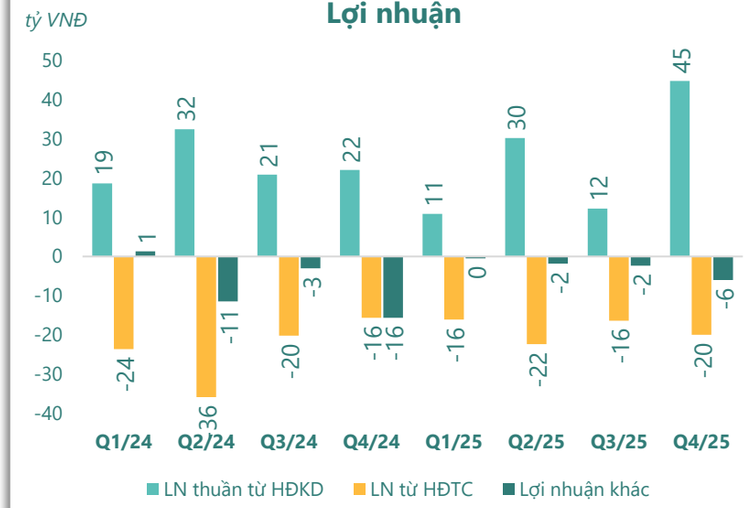
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



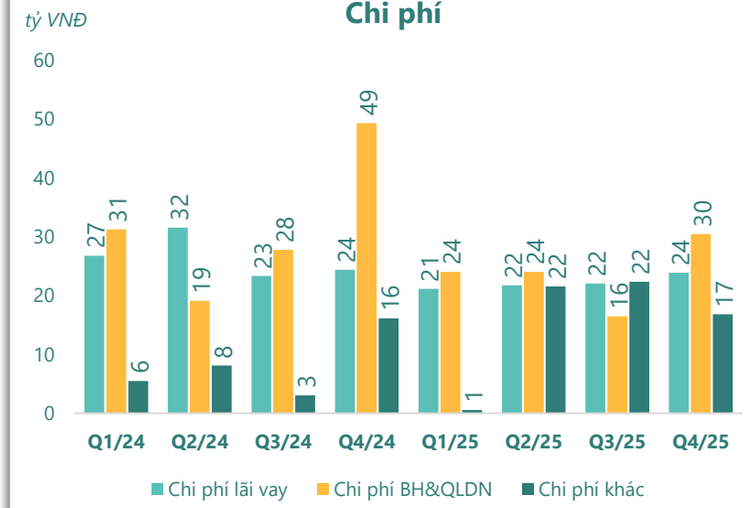
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



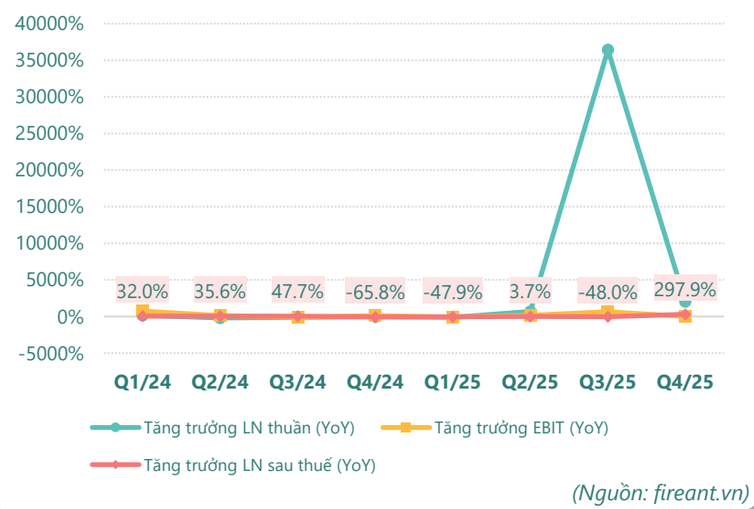
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



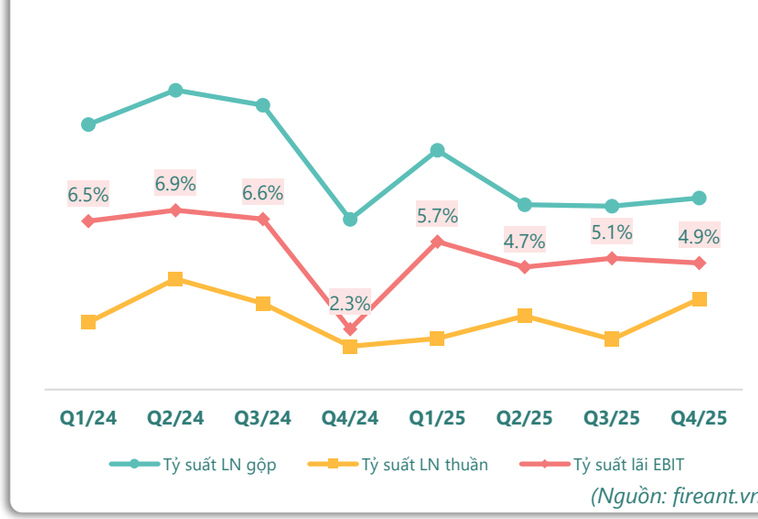
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



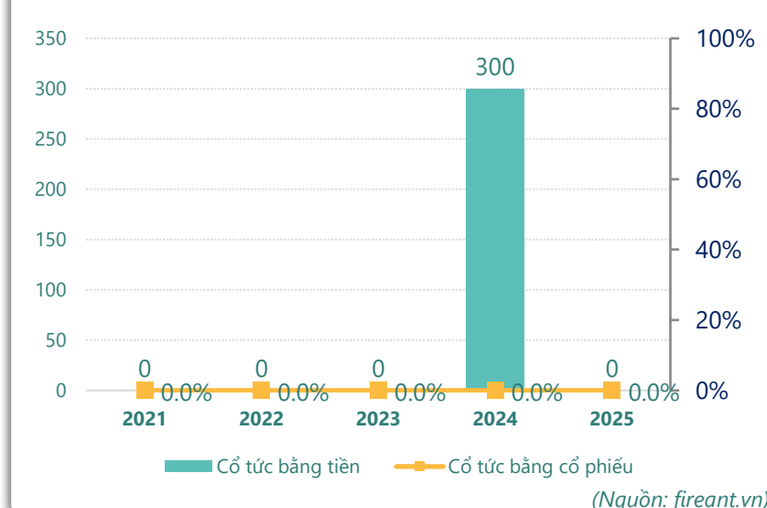
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

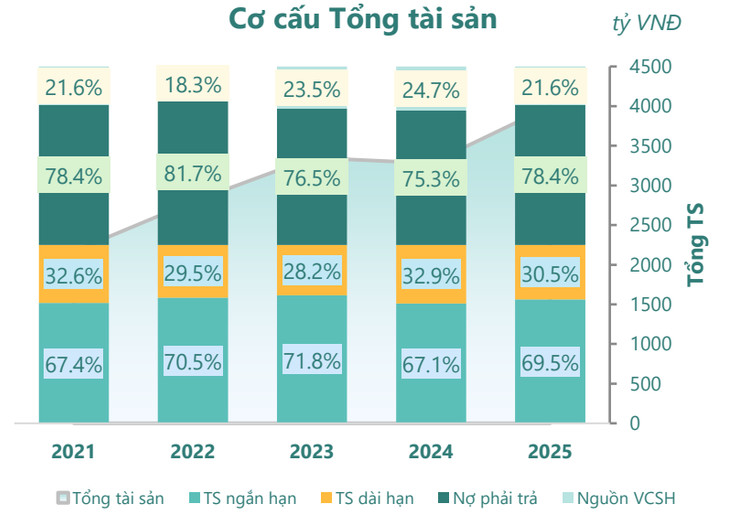
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

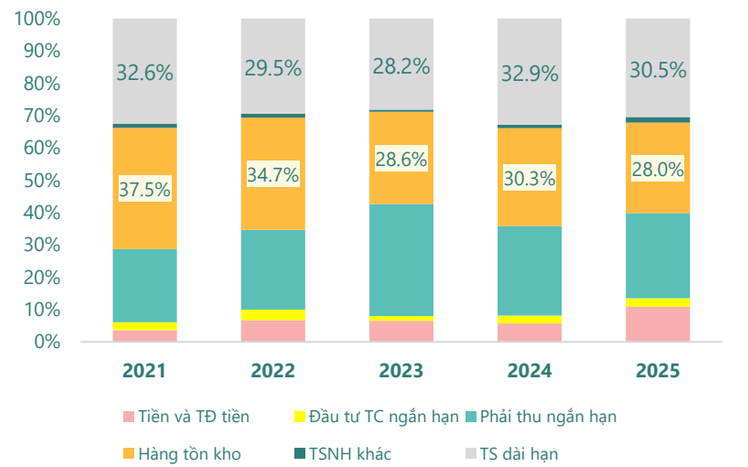
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



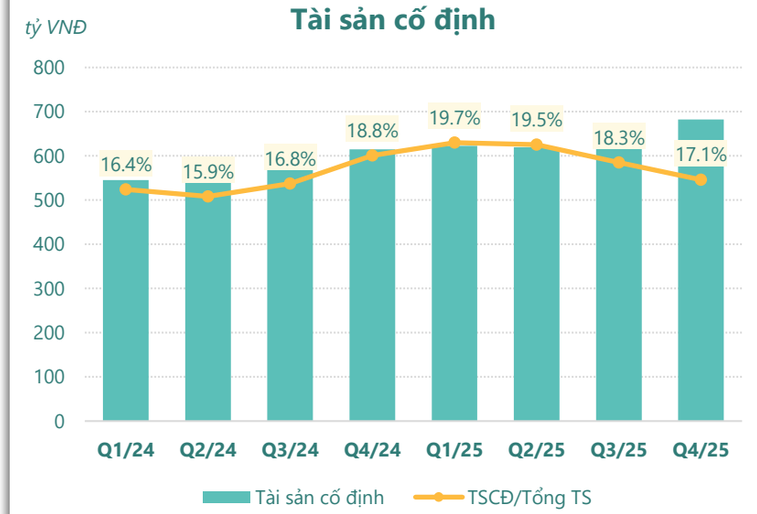
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



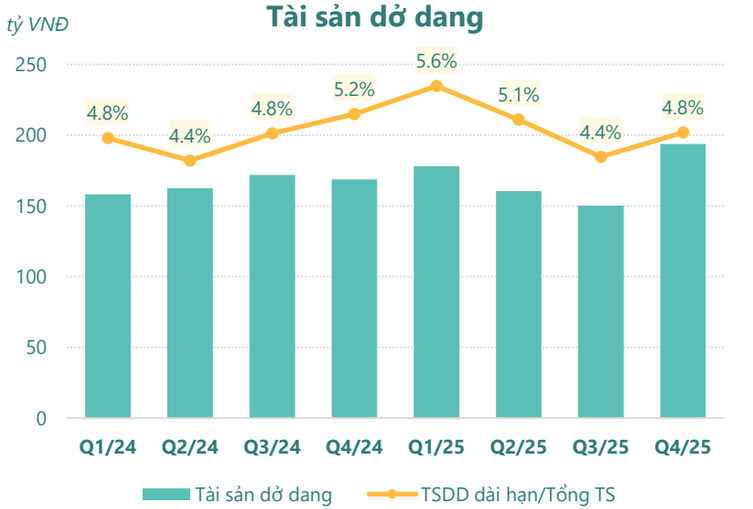
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



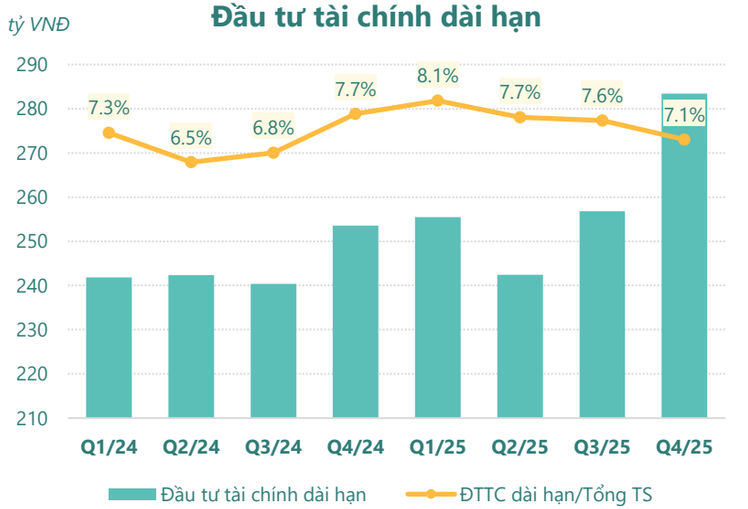
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



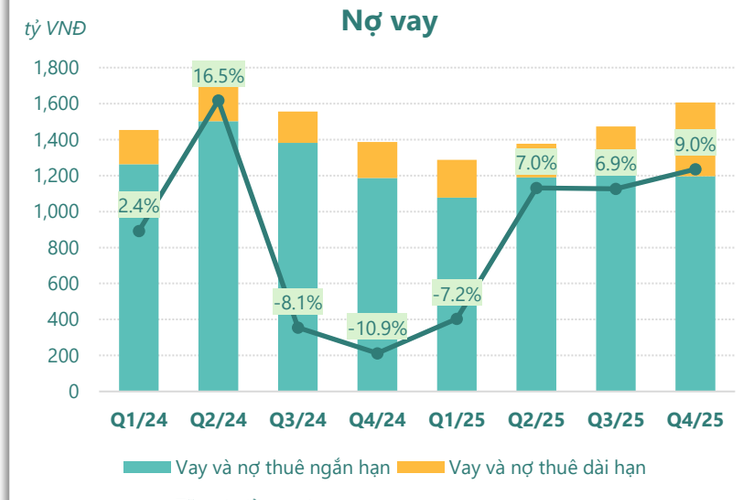
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

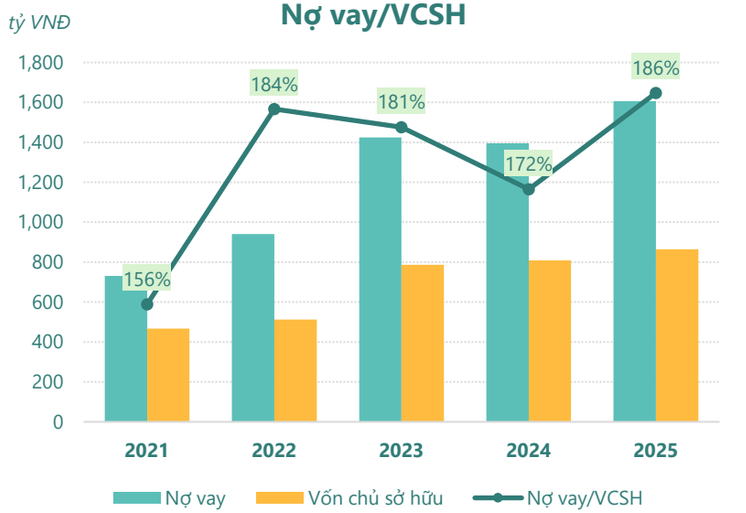
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



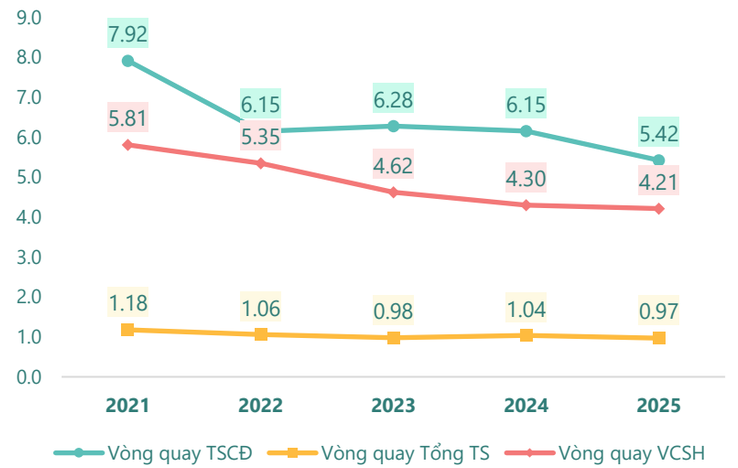
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



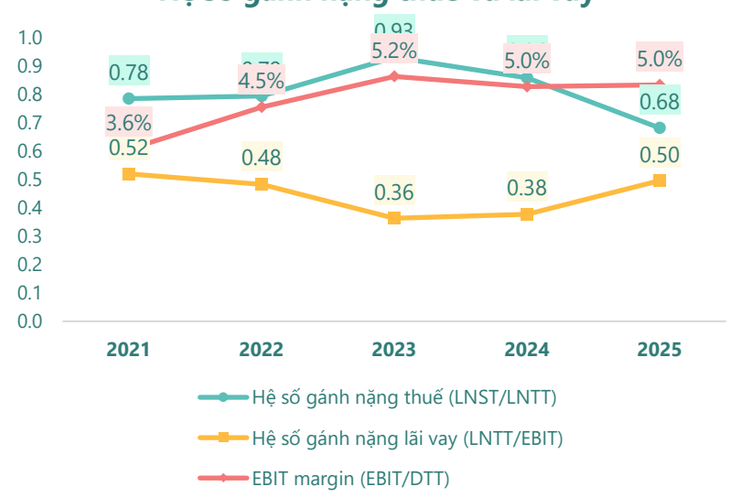
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



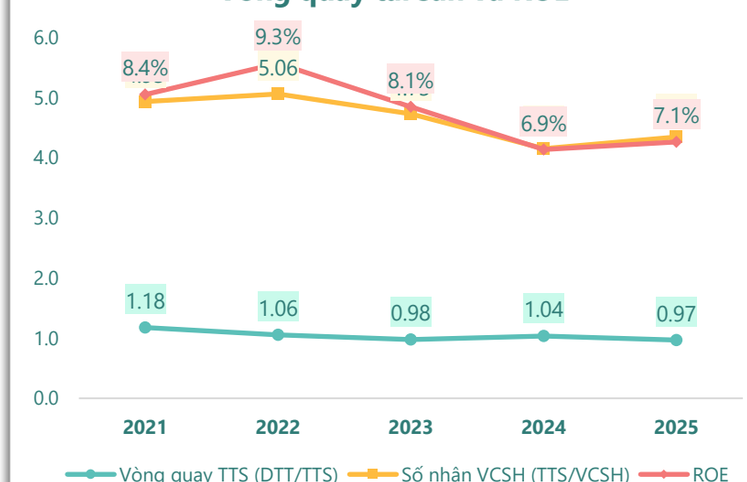
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



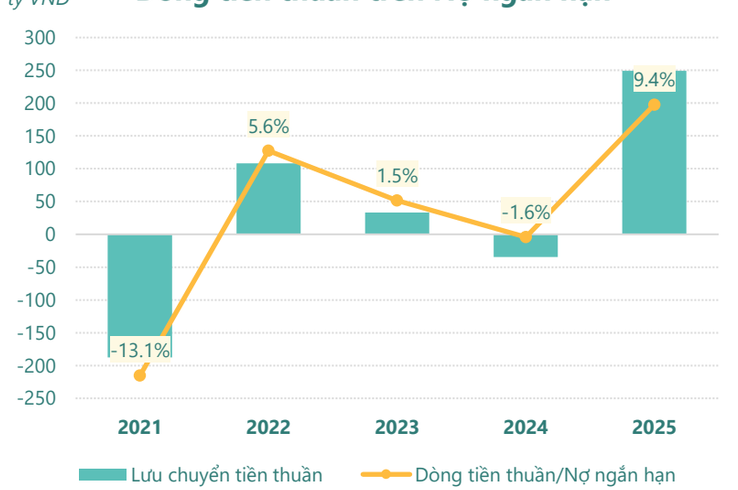
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,282**	**1,325**	**-3.2%**	**3,526**	**3,432**	**2.7%**
Giá vốn hàng bán	1,187	1,238	-4.1%	3,260	3,115	4.7%
Lợi nhuận gộp	94.8	87.0	9.0%	266	317	-16.1%
Doanh thu HĐTC	5.94	10.0	-40.6%	21.6	22.6	-4.7%
Chi phí TC	26.0	25.7	1.0%	96.4	119	-18.7%
Chi phí lãi vay	23.9	24.4	-2.1%	88.9	106	-16.2%
LN trong công ty LKLD	**0.46**	**0.17**	**170%**	**1.79**	**-0.19**	**1042%**
Chi phí bán hàng	5.79	16.8	-65.5%	23.3	43.6	-46.5%
Chi phí QLDN	**24.7**	**32.6**	**-24.2%**	**71.8**	**84.1**	**-14.7%**
LN thuần từ HĐKD	44.8	22.1	103%	98.0	93.3	5.0%
Lợi nhuận khác	**-6.03**	**-15.7**	**61.6%**	**-10.7**	**-29.2**	**63.3%**
LN trước thuế	38.7	6.44	502%	87.3	64.2	36.1%
Lợi nhuận sau thuế	**26.5**	**3.36**	**689%**	**59.5**	**55.0**	**8.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**26.5**	**3.36**	**689%**	**59.5**	**55.0**	**8.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	312	138	6.35	106	-111	287
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-123	81.6	-12.5	-23.6	-85.7	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-133	-187	-103	60.4	125	0
Tiền đầu kỳ	80.0	136	186	77.4	221	149
Lưu chuyển tiền thuần	**56.5**	**32.7**	**-109**	**143**	**-71.5**	**287**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.64	0	0	0.39	-0.39	0
Tiền cuối kỳ	136	169	77.4	221	149	435

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,999**	**3,278**	**22.0%**
Tài sản ngắn hạn	2,779	2,201	26.3%
Tiền và tương đương tiền	435	186	134%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	105	81.2	29.2%
Phải thu ngắn hạn	1,051	906	16.0%
Hàng tồn kho	1,120	993	12.7%
Tài sản ngắn hạn khác	67.8	33.9	100.0%
Tài sản dài hạn	**1,220**	**1,077**	**13.2%**
Phải thu dài hạn	25.6	22.9	11.7%
Tài sản cố định	682	618	10.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	194	169	14.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	283	242	17.2%
Tài sản dài hạn khác	**34.8**	**26.3**	**32.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,135	2,469	26.9%
Nợ ngắn hạn	**2,647**	**2,168**	**22.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,197	1,195	0.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	305	406	-25.0%
Nợ dài hạn	488	301	62.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	409	200	105%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**864**	**809**	**6.8%**
Vốn chủ sở hữu	**864**	**809**	**6.8%**
Vốn điều lệ	600	600	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)